

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUỐC TẾ SƠN HÀ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	3
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
5. Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	5 - 8
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	9
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	10 - 11
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	12 - 52

THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100776445, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 30 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gia dụng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa; Cung ứng các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió; Khai thác, kinh doanh các dự án cung cấp nước sạch; Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án bất động sản công nghiệp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 62 65 65 66
- Fax : (024) 62 65 65 88

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch
Bà Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Thế Hùng	Thành viên
Bà Hà Thị Hồng Mây	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Phương Nam	Thành viên độc lập

Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Văn Thi	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thảo	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Nguyễn Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Tiến	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Vĩnh Sơn - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công bố của người đại diện theo pháp luật

Theo ý kiến của người đại diện theo pháp luật, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật



Lê Vĩnh Sơn

Ngày 28 tháng 8 năm 2026



Số: 2.0604/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 52, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2025-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.963.919.137.262	4.552.379.296.051
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	39.149.899.211	73.683.600.155
1. Tiền	111		39.149.899.211	73.683.600.155
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		137.206.165.917	121.716.649.523
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	137.206.165.917	121.716.649.523
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.219.002.119.598	3.829.730.064.187
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.732.365.615.716	3.310.618.211.593
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	303.107.064.865	283.391.393.881
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	194.653.669.681	246.661.146.820
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(11.127.346.664)	(11.127.346.664)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		3.116.000	186.658.557
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	519.000.347.374	478.705.642.898
1. Hàng tồn kho	141		519.062.435.641	478.767.731.165
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(62.088.267)	(62.088.267)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		49.560.605.162	48.543.339.288
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	9.688.855.195	9.995.275.943
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		12.174.505.319	9.135.812.064
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.18	561.192.243	28.823.441
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.9	27.136.052.405	29.383.427.840

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.307.344.516.605	2.113.467.867.461
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.632.440.209	4.209.411.101
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	2.632.440.209	4.209.411.101
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		293.310.072.069	299.857.766.981
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	249.226.129.481	261.123.067.649
- Nguyên giá	222		503.045.679.254	498.865.201.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(253.819.549.773)	(237.742.134.011)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	33.315.749.834	27.719.377.779
- Nguyên giá	225		45.917.902.199	41.606.540.553
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(12.602.152.365)	(13.887.162.774)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	10.768.192.754	11.015.321.553
- Nguyên giá	228		24.549.889.780	24.404.889.780
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.781.697.026)	(13.389.568.227)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		754.533.748.799	646.938.040.821
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.13	754.533.748.799	646.938.040.821
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		1.252.788.726.072	1.157.761.230.823
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	1.099.530.408.490	1.007.832.939.021
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	175.759.031.850	175.759.031.850
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2b	34.115.778.616	34.115.778.616
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2b	(60.648.498.363)	(59.946.518.664)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.2a	4.032.005.479	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		4.079.529.456	4.701.417.735
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	4.079.529.456	4.701.417.735
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.14	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		6.271.263.653.867	6.665.847.163.512

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.510.519.133.852	4.950.223.017.974
I. Nợ ngắn hạn	310		3.795.018.057.799	4.108.934.674.125
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15a	747.103.485.336	1.275.509.156.317
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	398.593.605.466	264.747.246.533
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.17	52.989.600	52.989.600
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.18	3.171.932.588	13.621.970.030
5. Phải trả người lao động	315		10.180.191.339	15.252.644.735
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.19	5.820.144.325	4.756.675.939
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.20a	435.026.374.855	493.988.386.436
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.21a	2.195.069.334.290	2.041.005.604.535
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		715.501.076.053	841.288.343.849
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15b	-	43.331.648.953
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.20b	292.824.574.435	316.326.047.592
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.21b	422.676.501.618	481.630.647.304
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.22	1.760.744.520.015	1.715.624.145.538
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.702.684.090.000	1.702.684.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.702.684.090.000	1.702.684.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		(47.906.902.648)	(47.906.902.648)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(4.186.322.972)	(4.186.322.972)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.593.162.672	31.593.162.672
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		78.560.492.963	33.440.118.486
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		32.929.518.486	33.440.118.486
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		45.630.974.477	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.271.263.653.867	6.665.847.163.512

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Trung

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.641.107.847.542	2.552.191.847.549
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	76.620.950.824	58.700.798.680
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.564.486.896.718	2.493.491.048.869
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.391.211.374.943	2.343.027.164.014
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		173.275.521.775	150.463.884.855
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	96.873.208.532	50.561.152.560
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	99.201.191.866	81.388.776.778
Trong đó: chi phí đi vay	24		90.831.399.753	74.971.880.785
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	69.564.176.420	66.272.358.422
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	58.533.722.713	46.642.626.414
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.849.639.308	6.721.275.801
12. Thu nhập khác	31		2.957.698.254	90.891.045
13. Chi phí khác	32		176.363.085	3.463.038.860
14. Lợi nhuận khác	40		2.781.335.169	(3.372.147.815)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45.630.974.477	3.349.127.986
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.630.974.477	3.349.127.986
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Trung

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Lê Vinh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		45.630.974.477	3.349.127.986
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.9	15.184.534.152	16.258.882.980
- Các khoản dự phòng	03	VI.5	701.979.699	3.329.151.321
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4; 5	397.114.051	(1.240.488.628)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(96.672.244.674)	(47.374.488.786)
- Chi phí đi vay	06	VI.5	90.831.399.753	74.971.880.785
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		56.073.757.458	49.294.065.658
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		577.733.340.860	725.516.325.277
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(40.294.704.476)	(25.743.044.844)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(524.234.899.034)	(976.566.388.855)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		928.309.027	2.800.335.386
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(90.412.006.444)	(72.979.980.411)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(11.375.012.155)	(13.155.981.990)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(269.724)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(31.581.214.764)	(310.834.939.503)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(135.796.106.201)	(62.939.578.496)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.737.680.127)	(34.196.611.737)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.360.033.108	176.850.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		65.696.251.150	7.791.448.313
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(89.477.502.070)	89.505.258.080

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	2.579.278.444.214	2.634.048.124.661
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(2.487.806.330.367)	(2.407.319.072.353)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(4.946.070.478)	(5.635.536.845)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		86.526.043.369	221.093.515.463
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(34.532.673.465)	(236.165.960)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	73.683.600.155	15.699.212.898
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.027.479)	(40.425.159)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	39.149.899.211	15.422.621.779

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Trung

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gia dụng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa; cung ứng các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió; khai thác, kinh doanh các dự án cung cấp nước sạch; đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án bất động sản công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Giao dịch tái cấu trúc khoản đầu tư

Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam cho Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà thông qua giao dịch hoán đổi cổ phiếu. Theo đó, Công ty nhận 50.050.763 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà và ghi nhận doanh thu tài chính từ giao dịch hoán đổi là 60.507.630.000 VND (Thuyết minh VI.4).

6. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	54,26%	54,26%	54,26%
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Sản xuất bình Thái Dương năng	88,59%	88,59%	88,59%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	85%	85%	85%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Son Ha Myanmar International Limited	No.33/B Damaryone Street, Ward No. 15, Baukhtaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	71,71%	71,71%	71,71%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	Khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất, dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	Lô CN1, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Sản xuất nước thương mại	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Sơn Hà FreeSolar	Lô CN1, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Kinh doanh ngành năng lượng mặt trời	90%	90%	90%
Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà	Lô CN07.2-CN08, Khu công nghiệp đô thị Thuận Thành II, phường Mão Điền, tỉnh Bắc Ninh	Dịch vụ Logistics	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ nước và Môi trường Sơn Hà GM Việt Nam	Lô CN1, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước thương mại	100%	100%	100%
Sonha India International Private Limited	11 O' Shaughnessy road, Global Tech Park Lanford, Museum Road, Bangalore, Bangalore North, Karnataka, India, 560025	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	60%	60%	60%

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,10%	20,10%	20,10%
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam (*)	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Sản xuất, dịch vụ	30%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	Số 2 phố Thanh Lâm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Khu công nghiệp Sơn Hà Đồng Nai	Tầng 13 Tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	Tầng 13 Tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội	Đại lý, môi giới, đấu giá	30%	30%	30%

(*) Tỷ lệ lợi ích, quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam là 100% do các cổ đông khác chưa thực hiện góp vốn theo cam kết.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 37 Chi nhánh, tại 16 tỉnh thành trên cả nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 495 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 465 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

9. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán "SHI" theo Quyết định số 171/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 30 tháng 12 năm 2009. Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 170.268.409 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc được phân cấp lập Báo cáo tài chính. Các giao dịch nội bộ, số dư nội bộ giữa Trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc, giữa các đơn vị trực thuộc với nhau được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu.

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công ty con, công ty liên kết thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập dự phòng bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại công ty con, công ty liên kết tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết tại cùng thời điểm. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau: Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại đơn vị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị được đầu tư tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Giao dịch hoán đổi cổ phiếu

Cổ phiếu nhận về trong giao dịch hoán đổi được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm hoán đổi. Trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu nhận về, giá trị ghi nhận được xác định theo giá trị hợp lý của cổ phiếu mang đi hoán đổi. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu nhận về so với giá trị ghi sổ của cổ phiếu mang đi hoán đổi được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) trong kỳ.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Công ty như sau:

Công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng hoặc cho thuê liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 3 năm).

Chi phí sửa chữa tài sản

Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa định kỳ, chi phí sửa chữa định kỳ phát sinh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng kể từ kỳ tài sản được sửa chữa hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa định kỳ tiếp theo (thường là 36 tháng).

Chi phí thuê kho

Chi phí thuê kho phục vụ cho sản xuất, kinh doanh đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê trả trước (thường là 12 tháng).

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 50
Máy móc và thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê. Trường hợp không xác định được lãi suất ngầm định, lãi suất sử dụng là lãi suất ghi trong hợp đồng hoặc lãi suất biên đi vay của Công ty tại thời điểm khởi đầu hợp đồng thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê, tài sản cố định được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 47 năm và 20 năm theo thời gian giao đất tại Phụng (47 năm) và Sơn Tây (20 năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3-20 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/haos mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.
 - Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.
 - Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp thực nhận và giá trị vốn theo Điều lệ Công ty.
- Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, toàn bộ số tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu mua lại của chính mình và phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, giá trị thực tế cổ phiếu mua lại được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp bằng cách ghi số âm để ghi giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu. Trường hợp mua lại với mục đích hủy bỏ ngay lập tức, giá trị được ghi giảm trực tiếp vào vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn. Khi tái phát hành, trị giá vốn cổ phiếu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá vốn bình quân được ghi vào thặng dư vốn.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như: lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chỉ phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại hoặc hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Các công ty con, các công ty liên kết và các công ty khác trong cùng tập đoàn.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban điều hành, Ban Kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Trong năm, hoạt động của Công ty chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam và chỉ hoạt động trong một lĩnh vực là sản xuất kinh doanh hàng gia dụng. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	7.862.390.217	5.182.956.627
Tiền gửi không kỳ hạn	31.281.528.364	68.496.821.978
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	26.449.969.920	58.307.312.099
- Các ngân hàng khác	4.831.558.444	10.189.509.879
Tiền đang chuyển	5.980.630	3.821.550
Cộng	39.149.899.211	73.683.600.155

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	135.388.357.832	-	120.010.710.813	-
Ngân hàng TMCP Phát triển	29.758.122.026	-	29.045.051.549	-
Thành phố Hồ Chí Minh				
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	24.638.744.327	-	24.042.998.983	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và	26.036.000.000	-	12.417.710.244	-
Phát triển Việt Nam				
Ngân hàng Thương mại TNHH	18.238.095.688	-	18.014.968.896	-
E.Sun				
Các ngân hàng, tổ chức khác	36.717.395.791	-	36.489.981.141	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.817.808.085	-	1.705.938.710	-
Cộng	137.206.165.917	-	121.716.649.523	-

Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	4.000.000.000	-	-	-
TMCP Quân đội				
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	32.005.479	-	-	-
Cộng	4.032.005.479	-	-	-

Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 - 24 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 0,9% - 7,2%/năm, đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay (Xem Thuyết minh số V.21).

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty con	1.099.530.408.490	(26.057.918.826)	1.007.832.939.021	(25.393.862.412)
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	-	-	440.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	10.000.000.000	(10.000.000.000)	10.000.000.000	(10.000.000.000)
Son Ha Myanmar International Limited	50.348.859.469	-	19.159.020.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	5.000.000.000	(69.456.113)	5.000.000.000	(69.456.113)
Công ty TNHH MTV Logistic Sơn Hà	23.336.984.969	-	23.336.984.969	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	2.550.000.000	(2.550.000.000)	2.550.000.000	(2.550.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	523.723.130.000	-	23.215.500.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	8.500.000.000	-	8.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	444.182.072.000	-	444.182.072.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	13.200.000.000	(318.029.764)	13.200.000.000	(317.478.598)
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar	13.500.000.000	(11.944.027.950)	13.500.000.000	(11.449.003.633)
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ nước và Môi trường Sơn Hà GM Việt Nam	3.366.000.000	(885.830.272)	3.366.000.000	(880.050.240)
Sonha India International Private Limited	1.823.362.052	(290.574.727)	1.823.362.052	(127.873.828)
Đầu tư vào công ty liên kết	175.759.031.850	(474.800.921)	175.759.031.850	(436.877.636)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	12.259.031.850	-	12.259.031.850	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	13.500.000.000	-	13.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	45.000.000.000	-	45.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Sơn Hà Đồng Nai	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	45.000.000.000	(474.800.921)	45.000.000.000	(436.877.636)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	34.115.778.616	(34.115.778.616)	34.115.778.616	(34.115.778.616)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	31.405.778.616	(31.405.778.616)	31.405.778.616	(31.405.778.616)
Công ty TNHH Bất động sản Havico	2.710.000.000	(2.710.000.000)	2.710.000.000	(2.710.000.000)
Cộng	1.309.405.218.956	(60.648.498.363)	1.217.707.749.487	(59.946.518.664)

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị nhận đầu tư như sau:

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam ⁽ⁱ⁾	-	-	440 tỷ VND	100%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	10 tỷ VND	100%	10 tỷ VND	100%
Son Ha Myanmar International Limited ⁽ⁱⁱ⁾	50,349 tỷ VND	71,71%	19,159 tỷ VND	52,5%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	5 tỷ VND	100%	5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH MTV Logistic Sơn Hà	23,337 tỷ VND	100%	23,337 tỷ VND	100%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	255.000 CP	51%	255.000 CP	51%
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà ⁽ⁱ⁾	57.583.727 CP	88,59%	7.532.964 CP	50,38%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	1.275.000 CP	85%	1.275.000 CP	85%
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	42.864.667 CP	74,34%	42.864.667 CP	74,34%
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	1.320.000 CP	60%	1.320.000 CP	60%
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar	1.350.000 CP	90%	1.350.000 CP	90%
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ nước và Môi trường Sơn Hà GM Việt Nam	336.000 CP	51%	336.000 CP	51%
Sonha India International Private Limited ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1,823 tỷ VND	60%	1,823 tỷ VND	60%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	1.006.902 CP	20,10%	1.006.902 CP	20,10%
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	1.350.000 CP	30%	1.350.000 CP	30%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	4.500.000 CP	30%	4.500.000 CP	30%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Sơn Hà Đồng Nai	6.000.000 CP	30%	6.000.000 CP	30%
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	4.500.000 CP	30%	4.500.000 CP	30%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	1.287.647 CP	8,58%	1.287.647 CP	8,58%
Công ty TNHH Bất động sản Havico	2,71 tỷ VND		2,71 tỷ VND	

(i) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (“SHE”) đã phát hành 50.050.763 cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ số vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (“SSP”). Sau giao dịch này, Công ty không còn sở hữu phần vốn góp tại SSP và SSP trở thành công ty con của SHE.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số 201600119 ngày 23 tháng 3 năm 2016, điều chỉnh lần thứ tư ngày 15 tháng 01 năm 2026 do Bộ Tài chính cấp, Công ty đăng ký đầu tư 2.370.000 USD vào Son Ha Myanmar International Limited (“SHM”), tương đương 71,82% vốn điều lệ SHM. Trong kỳ, Công ty đã góp vốn bằng nguyên vật liệu với số tiền là 1.301.917,82 USD. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 2.141.917,82 USD tương đương 71,71% vốn thực góp tại SHM, số còn phải đầu tư là 228.082,18 USD.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số 202501527 ngày 30 tháng 9 năm 2025 do Bộ Tài chính cấp, Công ty đầu tư 3.000.000 USD vào Sonha India International Private Limited, tương đương 60% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 69.529,07 USD, số còn phải đầu tư là 2.930.470,93 USD.

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc các khoản đầu tư có thể xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, giá trị có thể thu hồi được xác định theo giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Cụ thể:

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (mã cổ phiếu: SHE, niêm yết trên sàn HNX) là 437.636.325.200 VND (Số đầu năm: 51.224.155.200 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư không niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	59.946.518.664	56.204.836.227
Trích lập dự phòng bổ sung	701.979.699	3.330.065.116
Hoàn nhập dự phòng	-	(913.795)
Số cuối kỳ	60.648.498.363	59.533.987.548

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết trong kỳ

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	108.569.005.362	-	169.988.289.188	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	-	-	284.849.953	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	3.700.322.913	-	3.700.322.913	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	1.270.000.306	-	3.780.271.466	-
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar	6.980.256.338	-	7.130.747.372	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	16.372.110.379	-	1.197.566.349	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	20.238.179.483	-	20.222.383.746	-
Son Ha Myanmar International Limited	50.834.132.421	-	82.213.541.431	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Nước và Môi trường Sơn Hà GM Việt Nam	155.004.613	-	95.004.613	-
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	4.338.514.128	-	36.751.387.912	-
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	2.741.129.785	-	12.546.181.018	-
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	416.840.271	-	416.840.271	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	878.236.725	-	878.236.725	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	644.278.000	-	644.278.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	-	-	126.677.419	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các khách hàng khác	2.623.796.610.354	(6.377.346.664)	3.140.629.922.405	(6.377.346.664)
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	169.770.514.089	-	321.274.688.855	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	312.934.282.636	-	460.713.825.192	-
Công ty TNHH Thương mại Inox Hà Đông	505.647.371.183	-	542.994.550.021	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xuyên Thái Bình Dương	528.986.784.327	-	508.605.926.602	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phát triển Thiên Phú	460.510.749.388	-	575.412.135.653	-
Các khách hàng khác	645.946.908.731	(6.377.346.664)	731.628.796.082	(6.377.346.664)
Cộng	2.732.365.615.716	(6.377.346.664)	3.310.618.211.593	(6.377.346.664)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	457.280	457.280
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	457.280	457.280
Trả trước cho người bán khác	306.767.571.281	283.390.936.601
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Minh Ngọc (*)	175.405.649.343	175.912.681.623
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An (*)	46.800.000.000	46.800.000.000
Công ty Cổ phần Phòng cháy Chữa cháy Thăng Long (*)	17.500.000.000	17.500.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường ETM (*)	31.344.061.821	17.907.345.834
Các nhà cung cấp khác	32.056.896.421	25.270.909.144
Cộng	303.107.064.865	283.391.393.881

Trong đó:

Khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư 284.045.332.683 261.763.507.608

(*) Các khoản tạm ứng cho nhà cung cấp thực hiện Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – khu vực 2 (xem thuyết minh số V.13), bao gồm:

Nhà cung cấp	Ngày hợp đồng	Nội dung	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện (*)	Khối lượng đã thực hiện
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Minh Ngọc	06/01/2022	Cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình hạ tầng công nghiệp	625,2 tỷ VND	365 ngày	92 tỷ VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An	10/01/2022	Thiết kế, thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống xử lý nước thải	108,8 tỷ VND	365 ngày	-
Công ty Cổ phần Phòng cháy Chữa cháy Thăng Long	28/12/2022	Thi công hệ thống Phòng cháy chữa cháy	77,5 tỷ VND	24 tháng	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Nhà cung cấp	Ngày hợp đồng	Nội dung	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện (*)	Khối lượng đã thực hiện
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường ETM	28/12/2022	Thiết kế, thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống nước sạch	55,1 tỷ VND	24 tháng	16,1 tỷ VND
	19/01/2026	Thi công trạm xử lý nước thải 3873m2/ngày đêm giai đoạn 2-Khu công nghiệp Tam Dương	25 tỷ VND	350 ngày	-

(*) Thời gian thực hiện này được tính kể từ ngày bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	40.395.409.023	-	64.343.886.678	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	30.030.000.000	-	54.132.135.655	-
- Phải thu về cổ tức	30.000.000.000	-	53.381.573.203	-
- Phải thu khác	30.000.000	-	750.562.452	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	1.784.506.603	-	1.784.506.603	-
Son Ha Myanmar International Limited	3.273.154.411	-	3.200.770.411	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	5.180.951.000	-	5.099.677.000	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	50.459.000	-	50.459.000	-
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	69.211.259	-	69.211.259	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	4.000.000	-	4.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Nước và Môi trường Sơn Hà GM Việt Nam	432.000	-	432.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Sơn Hà Đồng Nai	2.694.750	-	2.694.750	-
Phải thu tổ chức, cá nhân khác	154.258.260.658	(4.750.000.000)	182.317.260.142	(4.750.000.000)
Tạm ứng	123.814.706.993	-	147.822.197.189	-
Ông Hồ Văn Việt	20.319.551.422	-	21.503.563.422	-
- Tạm ứng dự án Tam Dương				
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	19.901.012.429	-	15.951.012.429	-
- Tạm ứng dự án Tam Dương				
Ông Phạm Văn Anh	8.183.557.138	-	16.033.557.138	-
- Tạm ứng tìm kiếm thị trường				
Ông Đỗ Văn Ban	11.634.279.000	-	15.134.279.000	-
- Tạm ứng tìm kiếm thị trường				
Ông Trần Đức Thành	10.944.226.009	-	15.237.226.009,0	-
- Tạm ứng kinh doanh				

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Các cá nhân khác	52.832.080.995	-	63.962.559.191	-
Ký cược, ký quỹ	2.236.073.741	-	564.530.892	-
Ký quỹ thuê tài chính	177.000.000	-	210.375.103	-
Các khoản ký cược, ký quỹ khác	1.978.120.581	-	354.155.789	-
Lãi phải thu các nhà cung cấp ⁽ⁱ⁾	14.126.176.924	-	19.967.831.719	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.081.303.000	(4.750.000.000)	13.962.700.342	(4.750.000.000)
Cộng	194.653.669.681	(4.750.000.000)	246.661.146.820	(4.750.000.000)

(i) Một số khoản ký quỹ có tổng giá trị cuối kỳ 177.000.000 VND (số đầu năm: 210.375.103 VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty (Xem Thuyết minh số V.21).

(ii) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Minh Ngọc ("Minh Ngọc") và Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An theo các Biên bản thỏa thuận liên quan đến khoản trả lãi cho các khoản tạm ứng của Công ty và các nhà cung cấp này do chưa tiến hành thi công và thực hiện công việc theo thời gian thực hiện trong các Hợp đồng thi công đã ký, lãi suất 9,5%/năm. Trong kỳ, Công ty và Minh Ngọc thống nhất không tính lãi phát sinh nữa do Hợp đồng thi công đang được thực hiện và nghiệm thu từng phần (xem thuyết minh số V.4).

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ký quỹ thuê tài chính	2.602.440.209	-	2.300.493.149	-
Ký cược, ký quỹ khác	30.000.000	-	1.908.917.952	-
Cộng	2.632.440.209	-	4.209.411.101	-

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.377.346.664	(6.377.346.664)	6.377.346.664	(6.377.346.664)
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Kim loại Việt	3.540.903.520	(3.540.903.520)	3.540.903.520	(3.540.903.520)
Công ty TNHH Inox Hùng Anh	1.891.351.348	(1.891.351.348)	1.891.351.348	(1.891.351.348)
Các đối tượng khác	945.091.796	(945.091.796)	945.091.796	(945.091.796)
Phải thu ngắn hạn khác	4.750.000.000	(4.750.000.000)	4.750.000.000	(4.750.000.000)
Phải thu tiền đã nộp Ngân sách thành phố - Dự án Bắc Cỏ Nhuế Chèm	4.750.000.000	(4.750.000.000)	4.750.000.000	(4.750.000.000)
Cộng	11.127.346.664	(11.127.346.664)	11.127.346.664	(11.127.346.664)

Công ty không phát sinh biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	24.413.805.950	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	72.991.278.709	-	99.519.783.420	-
Công cụ, dụng cụ	1.094.598.562	-	17.040.129.365	-
Hàng hóa (*)	420.562.752.420	(62.088.267)	362.207.818.380	(62.088.267)
Cộng	519.062.435.641	(62.088.267)	478.767.731.165	(62.088.267)

(*) Toàn bộ hàng hóa tồn kho cuối kỳ đã được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long (Xem Thuyết minh số V.21).

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ.

8. Chi phí chờ phân bổ

8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	368.858.055	359.999.155
Chi phí thuê địa điểm	5.135.431.448	4.999.484.154
Các chi phí khác	4.184.565.692	4.635.792.634
Cộng	9.688.855.195	9.995.275.943

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí biển, pano quảng cáo	1.258.331.508	630.154.133
Chi phí công cụ, dụng cụ	814.681.132	921.435.760
Chi phí sửa chữa	452.330.493	935.803.831
Chi phí phần mềm	549.992.856	832.750.184
Các chi phí khác	1.004.193.467	1.381.273.827
Cộng	4.079.529.456	4.701.417.735

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn 01- 03 tháng tại các Ngân hàng (*)	27.052.898.715	29.331.470.270
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	5.200.000.000	5.200.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.852.898.715	4.131.470.270
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	83.153.690	51.957.570
Cộng	27.136.052.405	29.383.427.840

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01- 03 tháng được dùng để đảm bảo cho các khoản cho các khoản vay tại Ngân hàng (Xem Thuyết minh số V.21).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	154.805.291.895	248.674.703.764	84.856.738.903	10.528.467.098	498.865.201.660
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	4.180.477.594	-	-	4.180.477.594
Số cuối kỳ	154.805.291.895	252.855.181.358	84.856.738.903	10.528.467.098	503.045.679.254
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.881.446.844	39.654.366.815	36.984.659.522	7.507.914.093	86.028.387.274
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	55.098.659.320	108.710.561.998	64.899.882.221	9.033.030.472	237.742.134.011
Khấu hao trong kỳ	3.286.943.010	6.328.514.175	2.391.141.496	385.995.491	12.392.594.172
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	3.684.821.590	-	-	3.684.821.590
Số cuối kỳ	58.385.602.330	118.723.897.763	67.291.023.717	9.419.025.963	253.819.549.773
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	99.706.632.575	139.964.141.766	19.956.856.682	1.495.436.626	261.123.067.649
Số cuối kỳ	96.419.689.565	134.131.283.595	17.565.715.186	1.109.441.135	249.226.129.481
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định hữu hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Hệ thống mạng lưới cấp nước Liên xã Vân Côn, An Thượng (T10-15N)	57.159.166.862	(14.766.118.139)	42.393.048.723
Cụm lọc nước công nghiệp Đức -180T	54.612.599.981	(25.182.476.711)	29.430.123.270
Hệ thống mạng lưới cấp nước liên xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai	74.917.136.878	(7.623.147.288)	67.293.989.590
Các tài sản cố định hữu hình khác	316.356.775.533	(206.247.807.635)	110.108.967.898
Cộng	503.045.679.254	(253.819.549.773)	249.226.129.481

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 131.731.235.035 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem Thuyết minh số V.21).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	19.777.655.781	21.828.884.772	41.606.540.553
Thuê tài chính trong kỳ	-	8.468.972.381	8.468.972.381
Mua lại tài sản thuê tài chính	(4.157.610.735)	-	(4.157.610.735)
Số cuối kỳ	15.620.045.046	30.297.857.153	45.917.902.199
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.992.027.391	6.895.135.383	13.887.162.774
Khấu hao trong kỳ	1.136.861.878	1.262.949.303	2.399.811.181
Mua lại tài sản thuê tài chính	(3.684.821.590)	-	(3.684.821.590)
Số cuối kỳ	4.444.067.679	8.158.084.686	12.602.152.365
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.785.628.390	14.933.749.389	27.719.377.779
Số cuối kỳ	11.175.977.367	22.139.772.467	33.315.749.834
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định thuê tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Thiết bị xử lý nước ngầm 8.000 m ³ /ngày đêm	14.931.045.046	(3.755.067.679)	11.175.977.367
Tài sản cố định thuê tài chính khác	30.986.857.153	(8.847.084.686)	22.139.772.467
Cộng	45.917.902.199	(12.602.152.365)	33.315.749.834

Theo các hợp đồng thuê tài sản, Công ty được quyền mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.085.358.991	8.319.530.789	24.404.889.780
Mua trong kỳ	-	145.000.000	145.000.000
Số cuối kỳ	16.085.358.991	8.464.530.789	24.549.889.780
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	5.887.695.889	5.887.695.889
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.530.184.567	6.859.383.660	13.389.568.227
Khấu hao trong kỳ	241.848.636	150.280.163	392.128.799
Số cuối kỳ	6.772.033.203	7.009.663.823	13.781.697.026
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.555.174.424	1.460.147.129	11.015.321.553
Số cuối kỳ	9.313.325.788	1.454.866.966	10.768.192.754
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định vô hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất Phường	11.160.608.991	(4.576.415.462)	6.584.193.529
Quyền sử dụng đất lô đất Thành phố	4.924.750.000	(2.195.617.741)	2.729.132.259
Các tài sản cố định vô hình khác	8.464.530.789	(7.009.663.823)	1.454.866.966
Cộng	24.549.889.780	13.781.697.026	10.768.192.754

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 9.313.325.788 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay các Ngân hàng (xem Thuyết minh số V.21).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	268.000.000	-	268.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	646.670.040.821	107.701.501.578	754.265.748.799
Dự án Khu công nghiệp Tam Dương ^(*)	609.779.878.603	107.097.382.607	716.877.261.210
Các dự án khác	36.890.162.218	498.325.371	37.388.487.589
Cộng	646.938.040.821	107.595.707.978	754.533.748.799

(*) Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – Khu vực 2, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ) được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư ngày 10/3/2021.

Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép xây dựng và được giao đất theo hai đợt. Trong đó, đợt 1 với diện tích 812.425 m² ngày 27/4/2023; đợt 2 với diện tích 224.093,2 m² ngày 30/6/2025.

Theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 03/11/2025, tổng mức đầu tư của Dự án được điều chỉnh từ 1.576,873 tỷ VND lên 2.250 tỷ VND. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện thi công xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật (giao thông, thoát nước, cấp điện, trạm xử lý nước thải...). Dự kiến chính thức bàn giao, đưa vào khai thác thương mại từng phần từ Quý III/2026.

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 16.691.817.241 VND (Cùng kỳ năm trước: 9.742.774.427 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được trừ như sau:

Năm 2021	51.873.368.543
Năm 2022	80.680.739.448
Năm 2023	103.480.830.453
Năm 2024	72.559.210.712
Năm 2025	70.423.547.640
Cộng	379.017.696.796

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020, Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025, Nghị định số 255/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ, trường hợp doanh nghiệp có quan hệ liên kết và giao dịch liên kết từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

15. Phải trả người bán

15a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	291.647.321.567	209.802.895.912
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	-	8.865.427.685
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	123.335.443.782	77.276.917.961
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (*)	141.328.701.876	113.281.176.522
Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà	10.346.300.305	10.346.300.305
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar	181.147.044	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	16.422.655.121	-
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	30.573.439	30.573.439
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	2.500.000	2.500.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	455.456.163.769	1.065.706.260.405
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Inox Minh Phú	84.920.376.615	141.731.230.342
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Phương Nam	94.701.478.591	195.807.280.598
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Quốc tế Bình Minh	36.875.216.915	184.589.316.401
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thiên Long	63.938.155.131	212.846.201.858
Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An	20.367.358.440	182.613.901.180
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Kim loại Tân Việt	78.089.184.270	46.545.679.300
Các nhà cung cấp khác	76.564.393.807	101.572.650.726
Cộng	747.103.485.336	1.275.509.156.317
Trong đó:		
Khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư	1.357.456.212	5.163.879.241

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Khoản phải trả về mua thành phẩm, hàng hóa của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (“công ty con”). Theo hợp đồng nguyên tắc được ký kết với công ty con, ngày đến hạn thanh toán được xác định trong vòng 12 ngày kể từ ngày kết thúc tháng nhập hàng (nếu trùng ngày nghỉ/lễ sẽ lùi sang ngày làm việc tiếp theo). Nếu Công ty chậm thanh toán quá 3 ngày kể từ ngày đến hạn, Công ty sẽ phải chịu lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian vi phạm. Lãi suất áp dụng là lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng BIDV. Lãi suất được áp dụng kỳ này là 8%/năm (Cùng kỳ năm trước: 6,3%/năm).

15b. Phải trả người bán dài hạn

Số dư đầu năm là khoản phải trả Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh – Bên liên quan.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	285.491.191.711	239.652.973.040
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (*)	280.891.696.106	239.652.973.040
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	4.599.495.605	-
Trả trước của các khách hàng khác	113.102.413.755	25.094.273.493
Các khách hàng ứng trước tiền thuê Dự án Tam Dương	95.269.185.462	-
Công ty Cổ phần Semind	25.052.000.000	-
Công ty Cổ phần Vistafa	25.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp T&T-Tech	33.256.748.952	-
Các khách hàng khác	11.960.436.510	-
Các khách hàng khác ứng trước tiền hàng	17.833.228.293	25.094.273.493
Cộng	398.593.605.466	264.747.246.533

(*) Khoản ứng trước của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (“SSP”) để mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ Công ty. Theo hợp đồng nguyên tắc được ký kết với SSP, đối với các đơn đặt hàng bị chậm giao hàng với thời hạn giao hàng được quy định trên đơn đặt hàng từ 30 ngày trở lên, Công ty sẽ phải thanh toán cho SSP tiền lãi tương ứng với số tiền ứng trước của các đơn đặt hàng này. Lãi suất áp dụng là lãi suất trung bình tại các ngân hàng mà SSP có giao dịch cộng thêm (+) 1%. Lãi suất được áp dụng trong kỳ là 9,12%/năm (Cùng kỳ năm trước: 9,12%/năm).

17. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức các năm trước	52.989.600	52.989.600

Đây là cổ tức đã quá thời hạn mà chưa thanh toán. Công ty chưa thanh toán cổ tức này do các cổ đông chưa lưu ký và chưa có thông tin cổ đông để thực hiện thanh toán.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	713.263.144	212.146	5.289.246.719	(5.837.101.038)	165.408.825	212.146
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	4.856.434.481	(4.856.434.481)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	78.424.216	-	-	(82.608.489)	-	4.184.273
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	142.957.924	(142.957.924)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.874.492.155	-	-	(11.375.012.155)	-	500.520.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập cá nhân	545.904.681	-	1.687.862.227	(1.474.440.860)	759.326.048	-
Thuế tài nguyên	353.091.600	-	2.114.731.685	(2.108.927.550)	358.895.735	-
Tiền thuê đất	-	28.611.295	403.379.202	-	374.767.907	-
Phí bảo vệ môi trường	94.886.378	-	1.691.087.330	(1.488.668.311)	297.305.397	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	961.907.856	-	406.881.264	(208.836.268)	1.216.228.676	56.275.824
Cộng	13.621.970.030	28.823.441	16.592.580.832	(27.574.987.076)	3.171.932.588	561.192.243

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu	0%
- Nước thành phẩm	5%
- Hàng tiêu thụ khác trong nước	8%; 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội, cho diện tích 44.800 m² đất thuê tại Cụm Công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, đơn giá 45.020 VND/m².

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí đi vay phải trả	2.615.165.060	2.195.771.751
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.204.979.265	2.560.904.188
Cộng	5.820.144.325	4.756.675.939

20. Phải trả khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	44.996.097.689	33.559.170.315
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	44.480.497.689	33.552.014.400
Thu chi hộ	2.039.497	2.025.481
Lãi phải trả tính trên số dư Người mua trả tiền trước (Xem Thuyết minh số V.16)	44.478.458.192	33.549.988.919

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Son Ha Myanmar International Limited	5.000.000	5.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	-	2.155.915
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	510.600.000	-
Phải trả các cá nhân và tổ chức khác	390.030.277.166	460.429.216.121
Tài sản thừa chờ giải quyết	18.851.743	18.851.743
Kinh phí công đoàn	542.208.715	170.337.325
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.078.590.500	1.058.590.500
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	319.584.986.992	128.604.380.174
- Chi nhánh Thành An (*)		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	138.006.559.313
- Chi nhánh Thanh Xuân (*)		
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	42.385.120.316	162.436.155.219
- Chi nhánh Tây Hà Nội (*)		
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	26.420.518.900	30.134.341.847
Cộng	435.026.374.855	493.988.386.436

(*) Các khoản phải trả các ngân hàng về LC Upas, LC nội địa, bao thanh toán theo các hợp đồng tín dụng với các ngân hàng, thời hạn thanh toán không quá 12 tháng. Sau thời hạn trên nếu không thanh toán, khoản phải trả được chuyển thành khoản vay.

20b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận đặt cọc của các tổ chức, cá nhân để thuê lại quyền sử dụng đất gắn liền cơ sở hạ tầng thuộc Dự án Tam Dương. Cụ thể:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vật liệu nhựa FO	76.260.960.000	76.260.960.000
Công ty Cổ phần PMT.P&E	44.577.000.000	44.577.000.000
Công ty TNHH Jahwa Vina	102.509.230.272	102.509.230.272
Công ty Cổ phần Đóng gói Xanh Packuni Vina	39.095.160.000	-
Các tổ chức, cá nhân khác	30.382.224.163	92.978.857.320
Cộng	292.824.574.435	316.326.047.592

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.080.529.610.726	2.008.697.319.387
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	719.770.560.930	581.639.357.495
- Chi nhánh Thanh Xuân		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	72.730.308.654	259.317.651.198
- Chi nhánh Thành An		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	479.032.887.644	479.233.046.391
- Chi nhánh Hoài Đức		
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố	56.905.955.940	58.060.149.374
Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm		
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	80.283.928.713	75.511.560.665
- Chi nhánh Sở Giao dịch		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	173.514.071.006	56.995.199.348
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun	89.967.202.337	88.759.980.192
- Chi nhánh Đồng Nai		
Ngân hàng First Commercial Bank	79.145.508.626	79.801.529.438
- Chi nhánh Hà Nội		
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	199.719.896.946	199.894.803.549
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đại An	99.994.234.870	99.536.375.637
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng	29.465.055.060	29.947.666.100
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (Xem Thuyết minh số V.21b)	96.766.528.000	15.766.528.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	88.000.000.000	7.000.000.000
- Chi nhánh Thanh Xuân		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.700.000.000	5.700.000.000
- Chi nhánh Hà Tây		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	3.066.528.000	3.066.528.000
- Chi nhánh Quang Trung		
Vay dài hạn đến hạn trả Quỹ đầu tư và phát triển thành phố Hà Nội (Xem Thuyết minh số V.21b)	7.100.000.000	7.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Xem Thuyết minh số V.21b)	10.673.195.564	9.541.757.148
Cộng	<u>2.195.069.334.290</u>	<u>2.041.005.604.535</u>

Các khoản vay ngắn (lãi suất từ 7,1%/năm - 12%/năm) hạn mục đích để tài trợ vốn lưu động, mua nguyên vật liệu, hàng hóa nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C, Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty và tài sản của Ban lãnh đạo Công ty. Chi tiết như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	770 tỷ VND	Không quá 165 ngày
- Chi nhánh Thanh Xuân		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	480 tỷ VND	Không quá 165 ngày
- Chi nhánh Hoài Đức		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	390 tỷ VND	Không quá 6 tháng
- Chi nhánh Thành An		
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun	3,5 triệu USD	Không quá 180 ngày
- Chi nhánh Đồng Nai		
Ngân hàng First Commercial Bank	80 tỷ VND	180 ngày
- Chi nhánh Hà Nội		
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	100 tỷ VND	Không quá 12 tháng
- Chi nhánh Sở giao dịch		
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	250 tỷ VND	Không quá 12 tháng
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	200 tỷ VND	Không quá 12 tháng
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	200 tỷ VND	Không quá 180 ngày
- Chi nhánh Hoàn Kiếm		
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đại An	100 tỷ VND	Không quá 12 tháng
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng	30 tỷ VND	Không quá 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.008.697.319.387	2.540.891.357.706	-	(2.469.059.066.367)	2.080.529.610.726
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	15.766.528.000	-	92.383.264.000	(11.383.264.000)	96.766.528.000
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển thành phố Hà Nội đến hạn trả	7.000.000.000	-	3.600.000.000	(3.500.000.000)	7.100.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	9.541.757.148	-	6.077.508.894	(4.946.070.478)	10.673.195.564
Cộng	2.041.005.604.535	2.540.891.357.706	102.060.772.894	(2.488.888.400.845)	2.195.069.334.290

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	355.465.297.620	413.325.475.112
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	330.316.823.963	383.793.737.455
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	16.970.953.879	19.820.953.879
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	8.177.519.778	9.710.783.778
Vay dài hạn các tổ chức khác - Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội ⁽ⁱⁱ⁾	42.717.497.062	46.317.497.062
Nợ thuê tài chính dài hạn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	24.493.706.936	21.987.675.130
Công ty Cho thuê tài chính MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	4.876.826.659	6.305.484.547
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội	-	68.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	19.616.880.277	15.614.190.583
Cộng	422.676.501.618	481.630.647.304

⁽ⁱ⁾ Các khoản vay dài hạn (lãi suất từ 6,95%/năm - 12,5%/năm) được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Chi tiết như sau:

Bên cho vay	Hợp đồng vay/Mục đích	Hạn mức	Thời hạn
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hợp đồng ngày 08/04/2024, để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Tam Dương I- khu vực 2, xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ	1.056,41 tỷ VND	72 tháng
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Hợp đồng ngày 29/08/2017, để thực hiện dự án Xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội	100 tỷ VND	15 năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Hợp đồng ngày 29/12/2017, để thanh toán các khoản chi phí để thực hiện dự án “Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn- An Thượng, xã An Khánh, thành phố Hà Nội”	57,513 tỷ VND và không vượt quá 62,5% tổng mức đầu tư	144 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bên cho vay	Hợp đồng vay/Mục đích	Hạn mức	Thời hạn
Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	Hợp đồng ngày 30/09/2019, để thanh toán chi phí thực hiện các gói thầu số 01, 02, 03, 11 của dự án "Lắp đặt tuyến ống truyền dẫn, trạm tăng áp và tuyến ống phân phối, dịch vụ xã Bình Minh, xã Thanh Mai, xã Thanh Cao"	61,311 tỷ VND	138 tháng

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn (lãi suất từ 7,9%/năm – 8,7%/năm) gồm:

Bên cho thuê tài chính	Hợp đồng	Tài sản thuê	Thời hạn thuê	Lãi suất theo hợp đồng
Công ty Cho thuê Tài chính MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	Năm 2023	Máy móc, thiết bị	05 năm	Lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC + 2,62%/năm
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội	Năm 2022	Phương tiện vận tải	05 năm	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng + 2,4%/năm
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Năm 2022 đến năm 2026	Máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải	05 năm	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + biên độ 2,8%–3,4%/năm; điều chỉnh 3–6 tháng/lần

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	452.231.825.620	96.766.528.000	355.465.297.620	-
Vay dài hạn tổ chức khác	49.817.497.062	7.100.000.000	42.717.497.062	-
Nợ thuê tài chính	35.166.902.500	10.673.195.564	24.493.706.936	-
Cộng	537.216.225.182	114.539.723.564	422.676.501.618	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	429.092.003.112	15.766.528.000	413.325.475.112	-
Vay dài hạn tổ chức khác	53.317.497.062	7.000.000.000	45.000.000.000	1.317.497.062
Nợ thuê tài chính	31.529.432.278	9.541.757.148	21.987.675.130	-
Cộng	513.938.932.452	32.308.285.148	480.313.150.242	1.317.497.062

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn tổ chức khác	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	413.325.475.112	46.317.497.062	21.987.675.130	481.630.647.304
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	38.387.086.508	-	8.583.540.700	46.970.627.208
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(3.864.000.000)	-	-	(3.864.000.000)
Số kết chuyển sang vay ngắn hạn	(92.383.264.000)	(3.600.000.000)	(6.077.508.894)	(102.060.772.894)
Số cuối kỳ	355.465.297.620	42.717.497.062	24.493.706.936	422.676.501.618

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Kỳ trước						
Số dư đầu năm	1.621.764.490.000	(47.906.902.648)	(4.186.322.972)	31.593.162.672	101.994.713.584	1.703.259.140.636
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	3.349.127.986	3.349.127.986
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(509.801.000)	(509.801.000)
Số dư cuối kỳ	1.621.764.490.000	(47.906.902.648)	(4.186.322.972)	31.593.162.672	104.834.040.570	1.706.098.467.622
Kỳ này						
Số dư đầu năm	1.702.684.090.000	(47.906.902.648)	(4.186.322.972)	31.593.162.672	33.440.118.486	1.715.624.145.538
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	45.630.974.477	45.630.974.477
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(510.600.000)	(510.600.000)
Số dư cuối kỳ	1.702.684.090.000	(47.906.902.648)	(4.186.322.972)	31.593.162.672	78.560.492.963	1.760.744.520.015

22b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang ký phát hành	170.268.409	170.268.409
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	170.268.409	170.268.409
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	318.860	318.860
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	169.949.549	169.949.549

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

22c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/SHI ngày 24 tháng 4 năm 2026 như sau:

	VND
• Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	: 510.600.000

23. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ

23a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.411.827.200	1.411.827.200
Trên 1 năm đến 5 năm	8.067.584.000	8.067.584.000
Trên 5 năm	48.405.504.000	50.422.400.000
Cộng	57.884.915.200	59.901.811.200

Khoản thanh toán thuê hoạt động là tiền thuê 44.800 m² đất tại Cụm công nghiệp Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội với giá thuê 45.020 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 49 năm kể từ ngày 14/07/2006.

23b. Tài sản cầm cố, thế chấp

	Thuyết minh	Giá trị sổ sách		Bên nhận cầm cố, thế chấp
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	V.2a	135.388.357.832	120.010.710.813	
Tiền gửi có kỳ hạn		26.036.000.000	12.417.710.244	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn		24.638.744.327	24.042.998.983	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn		4.200.000.000	-	Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Tiền gửi có kỳ hạn		8.950.000.000	8.950.000.000	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn		2.131.100.000	6.131.100.000	Ngân hàng TMCP Quân đội
Tiền gửi có kỳ hạn		18.238.095.688	18.014.968.896	Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun
Tiền gửi có kỳ hạn		29.758.122.026	29.045.051.549	Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh
Tiền gửi có kỳ hạn		6.136.295.791	6.108.881.141	Ngân hàng First Commercial Bank
Tiền gửi có kỳ hạn		5.300.000.000	5.300.000.000	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
Tiền gửi có kỳ hạn		10.000.000.000	10.000.000.000	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	V.2a	4.000.000.000	-	
Tiền gửi có kỳ hạn		4.000.000.000	-	Ngân hàng TMCP Quân đội
Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	177.000.000	210.375.103	
Ký quỹ, ký cược		177.000.000	210.375.103	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV-Sumí Trust
Phải thu dài hạn khác	V.5b	2.602.440.209	2.300.493.149	
Ký quỹ, ký cược		1.698.226.561	1.219.279.501	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Ký quỹ, ký cược		904.213.648	904.213.648	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease
Ký quỹ, ký cược		-	177.000.000	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV-Sumí Trust
Hàng hóa	V.7	420.500.664.153	362.145.730.113	Ngân hàng TMCP Quân đội

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Thuyết minh	Giá trị số sách		Bên nhận cầm cố, thế chấp
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Tài sản ngắn hạn khác	V.9	27.052.898.715	29.331.470.270	
Tiền gửi có kỳ hạn		20.000.000.000	20.000.000.000	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn		1.852.898.715	4.131.470.270	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn		5.200.000.000	5.200.000.000	Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Tài sản cố định hữu hình	V.10	131.731.235.035	137.528.774.827	
Hệ thống nhà máy Phòng		25.615.523.555	26.065.115.009	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
Hệ thống máy móc, thiết bị thuộc dự án Tam Dương		63.722.662.757	68.117.958.311	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Hệ thống mạng lưới cấp nước Liên xã Vân Côn, An Thượng		42.393.048.723	43.345.701.507	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Tài sản cố định vô hình	V.12	9.313.325.788	9.555.174.424	
02 quyền sử dụng đất tại Sơn Tây, Hà Nội		9.313.325.788	9.555.174.424	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Cộng		730.765.921.732	661.082.728.699	

Thời hạn thế chấp tài sản có hiệu lực đến thời điểm các nghĩa vụ bảo đảm đã được thực hiện xong và các bên hoàn tất thủ tục giải chấp, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm.

23c. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền ngoại tệ của Công ty bao gồm 10.265,95 USD (Số đầu năm: 82.323,15 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	2.585.502.227.546	2.498.019.014.932
Doanh thu cung cấp nước sạch thành phẩm	20.087.562.247	16.257.593.936
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.518.057.749	37.915.238.681
Cộng	2.641.107.847.542	2.552.191.847.549

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VII.1b.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	73.356.002.386	58.700.798.680
Hàng bán bị trả lại	3.264.948.438	-
Cộng	76.620.950.824	58.700.798.680

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.368.100.450.022	2.320.327.655.021
Giá vốn cung cấp nước sạch thành phẩm	18.629.984.029	17.876.291.855
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.480.940.892	4.823.217.138
Cộng	2.391.211.374.943	2.343.027.164.014

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	138.812.132	208.912.547
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.064.721.632	1.802.652.838
Lãi tiền cho vay	-	4.942.153.440
Cổ tức, lợi nhuận được chia	31.359.317.700	31.308.972.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	61.805.534	8.491.107
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.240.488.628
Lãi phải thu từ thỏa thuận hợp đồng	1.740.575.342	11.048.458.532
Lãi từ giao dịch hoán đổi khoản đầu tư tại SSP lấy cổ phiếu SHE (Xem Thuyết minh I.5)	60.507.630.000	-
Doanh thu tài chính khác	346.192	1.022.868
Cộng	96.873.208.532	50.561.152.560

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	90.831.399.753	74.971.880.785
Chiết khấu thanh toán cho người mua	362.950.318	77.594.871
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	302.356.429	355.942.658
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	397.114.051	-
Dự phòng giảm tổn thất đầu tư	701.979.699	3.329.151.321
Chi phí chậm thanh toán theo hợp đồng (xem Thuyết minh số V.15a)	6.603.559.052	2.652.557.836
Chi phí tài chính khác	1.832.564	1.649.307
Cộng	99.201.191.866	81.388.776.778

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	30.753.184.958	31.598.256.979
Chi phí vật liệu, bao bì	170.499.046	276.425.734
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	267.238.879	201.827.234
Chi phí khấu hao tài sản cố định	308.866.208	514.495.324
Chi phí bảo hành	1.410.722.367	1.895.668.899
Chi phí vận chuyển, xăng dầu	18.144.045.314	11.914.624.890
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	5.650.948.772	3.054.641.786
Chi phí thuê kho	9.183.768.502	9.817.226.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.516.765.562	3.892.848.699
Các chi phí khác	1.158.136.812	3.106.342.633
Cộng	69.564.176.420	66.272.358.422

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	23.441.396.535	22.065.253.900
Chi phí đồ dùng văn phòng	268.420.731	305.527.258
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.896.591.828	3.164.607.253
Thuế, phí và lệ phí	1.060.000	86.000.000
Chi phí thanh toán, mở LC	14.099.765.805	304.051.193
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.595.536.859	18.143.035.742
Các chi phí khác	2.230.950.955	2.574.151.068
Cộng	58.533.722.713	46.642.626.414

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa đã bán	2.396.600.385.148	2.320.327.655.021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.299.955.218	5.923.170.714
Chi phí nhân công	56.093.720.100	55.425.474.262
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.184.534.152	15.861.588.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.115.542.577	47.680.347.481
Chi phí khác	6.515.072.007	10.723.912.406
Cộng	2.547.809.209.202	2.455.942.148.850

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ, Công ty mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính số tiền là 8.583.540.700 VND (Cùng kỳ năm trước: 5.368.356.000 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các Thuyết minh số V.20a.

Cam kết bảo lãnh

Ông Lê Vĩnh Sơn (Chủ tịch HĐQT), bà Trần Kim Dung (Phó Chủ tịch HĐQT), ông Trần Đức Mậu, bà Nguyễn Thị Hằng và ông Trần Việt Dũng (Các cá nhân có liên quan với bà Trần Kim Dung) đã sử dụng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác của cá nhân và một số bảo lãnh cá nhân của ông Lê Vĩnh Sơn để đảm bảo khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng (xem Thuyết minh số V.21).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này					
Hội đồng quản trị					
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	-	-	144.000.000	144.000.000
Bà Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	-	-	54.000.000	54.000.000
Ông Phạm Thế Hùng	Thành viên /PTGD thường trực	720.336.000	120.900.000	54.000.000	895.236.000
Bà Hà Thị Hồng Mây	Thành viên	438.850.000	52.550.000	37.500.000	528.900.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên (đến ngày 25/4/2025)	-	-	17.100.000	17.100.000
Ông Nguyễn Phương Nam	Thành viên độc lập (Đến ngày 30/6/2026)	-	-	54.000.000	54.000.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên độc lập	-	-	54.000.000	54.000.000
Ban Điều hành					
Ông Nguyễn Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	816.080.000	125.017.000	-	941.097.000
Ông Trương Văn Tiến	Kế toán trưởng	544.235.000	90.700.000	-	634.935.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Ban Kiểm soát					
Ông Trần Văn Thi	Trưởng ban	230.960.000	35.767.000	48.000.000	266.727.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	182.400.000	31.600.000	24.000.000	214.000.000
Bà Trần Thị Thảo	Thành viên	152.957.000	28.242.000	24.000.000	181.199.000
Cộng		3.085.818.000	484.776.000	510.600.000	4.081.194.000
Kỳ trước					
Hội đồng quản trị					
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	-	-	144.000.000	144.000.000
Bà Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	-	-	54.000.000	54.000.000
Ông Phạm Thế Hùng	Thành viên	726.550.000	120.700.000	54.000.000	901.250.000
	/PTGD thường trực				
Bà Hà Thị Hồng Mây	Thành viên	616.550.000	-	-	616.550.000
Ông Nguyễn Phương Nam	Thành viên độc lập	-	-	54.000.000	54.000.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên độc lập	-	-	54.000.000	54.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên	-	-	54.000.000	54.000.000
Ban Điều hành					
Ông Nguyễn Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	604.550.000	80.000.000	-	684.550.000
Ông Trương Văn Tiến	Kế toán trưởng	551.610.000	69.830.000	-	621.440.000
Ban Kiểm soát					
Ông Trần Văn Thi	Trưởng ban	201.700.000	27.630.000	27.730.000	257.060.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	-	-	14.070.000	14.070.000
Bà Trần Thị Thảo	Thành viên	163.700.000	19.210.000	24.000.000	206.910.000
Cộng		2.864.660.000	317.370.000	479.800.000	3.661.830.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà ("SHE")	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Công ty con cấp 1
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Công ty con cấp 1
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	Công ty con cấp 1
Son Ha Myanmar International Limited	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ ("Toàn Mỹ")	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ Phần Điện Mặt Trời Sơn Hà Free Solar	Công ty con cấp 1
Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà	Công ty con cấp 1
Sonha India International Private Limited	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ nước và Môi trường Sơn Hà GM Việt Nam	Công ty con cấp 1
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con cấp 1 (đến 03/3/2026)
	Công ty con cấp 2 (từ 03/3/2026)
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	Công ty con cấp 2

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con cấp 2
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Công ty con cấp 2
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh ("SHB")	Công ty con cấp 2
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh	Công ty con của SHB
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng hợp Lệ Gia	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Du lịch Thanh Thủy	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cung ứng Nguồn nhân lực Thăng Long	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Sữa Ba Vì	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch trọng yếu với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	362.924.501.781	562.575.138.724
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	114.749.425.501	220.429.987.441
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	33.733.077.145	74.003.012.849
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	16.586.910.850	1.204.518.532
Son Ha Myanmar International Limited	2.894.803.266	2.297.314.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	32.684.430	39.547.434
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	4.334.964.515	31.764.622.337
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar	40.043.424	40.043.424
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	10.231.745.398	25.398.522.686
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	177.574.184.884	199.585.029.594
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	2.293.293.812	7.370.055.166
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	453.368.556	442.485.261

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng, sử dụng dịch vụ	466.878.300.999	411.171.239.581
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	46.122.483.934	7.661.101.104
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	50.923.872.465	59.403.922.627
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	56.901.852	129.246.670
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	12.502.063.426	2.380.642.490
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar	347.728.744	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	1.521.806.152	3.516.330.769
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	355.125.578.291	337.955.213.194
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	277.866.135	124.782.727
Cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	-	26.000.000.000
Vay ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	-	15.500.000.000
Lãi vay phải trả		
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	-	303.592.241
Lãi tính trên số dư Người mua trả trước		
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	10.928.469.273	2.467.625.824
Cổ tức, Lợi nhuận được chia		
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	30.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	1.359.317.700	1.308.972.600
Phải trả về lãi chậm thanh toán		
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	6.603.559.052	2.652.557.836

Cam kết bảo lãnh

Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh, Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam, Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà, Bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh, Ông Đinh Văn Mạnh, Bà Nguyễn Thị Hoa và Bà Nguyễn Lan Phương đã sử dụng tài sản và cổ phiếu SHI để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng (Xem Thuyết minh số V.21).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các Thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.15, V.16 và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, Công ty áp dụng Thông tư 99 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện điều chỉnh cách trình bày một khoản mục của kỳ trước để phản ánh phù hợp hơn bản chất của giao dịch.

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ					
Các khoản tương đương tiền	112	29.331.470.270	(29.331.470.270)	-	(i)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	120.010.710.813	1.705.938.710	121.716.649.523	(ii)
Phải thu ngắn hạn khác	135	248.419.043.100	(1.757.896.280)	246.661.146.820	(ii)
Tài sản ngắn hạn khác	165	-	29.383.427.840	29.383.427.840	(i),(ii)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	52.989.600	52.989.600	(iii)
Phải trả ngắn hạn khác	320	494.041.376.036	(52.989.600)	493.988.386.436	(iii)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ					
Chi phí tài chính	23	96.548.634.030	2.652.557.836	99.201.191.866	(iv)
Chi phí khác	32	6.115.596.696	(2.652.557.836)	3.463.038.860	(iv)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ					
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	704.024.945.551	21.491.379.726	725.516.325.277	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	46.504.792.898	(30.805.580.000)	15.699.212.898	(i)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	24.736.822.053	(9.314.200.274)	15.422.621.779	

- (i) Trình bày lại các khoản tương đương tiền bị hạn chế sử dụng từ chỉ tiêu “các khoản tương đương tiền” sang chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác”.
- (ii) Trình bày lại các khoản dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn từ chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn” và chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác”.
- (iii) Trình bày lại khoản phải trả về lợi nhuận cho chủ sở hữu từ chỉ tiêu “Phải trả ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Phải trả cổ tức, lợi nhuận”.
- (iv) Phân loại lại khoản lãi trả chậm Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà từ chỉ tiêu “Chi phí khác” sang chỉ tiêu “Chi phí tài chính”.

3. Các giả định và ước tính quan trọng

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban điều hành phải xây dựng các ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ tiềm tàng/tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như số liệu về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và giả định này.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh IV.5 và Thuyết minh V.3);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh IV.6 và Thuyết minh V.7);
- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh IV.8 và Thuyết minh V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các ước tính và giả định nêu trên được Ban điều hành xây dựng trên cơ sở thông tin và kinh nghiệm tốt nhất hiện có và được xem xét, đánh giá lại tại mỗi kỳ báo cáo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trên cơ sở đánh giá các yếu tố không chắc chắn liên quan đến các ước tính và giả định nêu trên, Ban điều hành xác định không có nội dung trọng yếu cần thuyết minh bổ sung về mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra các trường hợp khác nhau hoặc các biện pháp dự kiến thực hiện trong kỳ kế toán tiếp theo.

Không có thay đổi trọng yếu trong cơ sở và phương pháp xác định các ước tính kế toán so với các cơ sở và phương pháp đã áp dụng khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

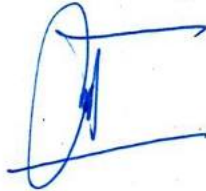
Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Người lập



Nguyễn Xuân Trung

Kế toán trưởng



Trương Văn Tiến

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Lê Vĩnh Sơn